

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

(Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo Tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu là doanh nghiệp Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 57 QĐ/HĐQT ngày 02/03/2002 của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0203000213 ngày 07 tháng 05 năm 2002. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về tên Công ty, vốn điều lệ của Công ty đã lần lượt được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng chứng nhận tại các Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh điều chỉnh như sau:

- Lần thứ nhất : số 0203000213 ngày 03 tháng 02 năm 2005,
- Lần thứ hai: số 0203000213 ngày 07 tháng 8 năm 2007.

Hoạt động của Công ty theo giấy phép kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh và gia công các sản phẩm giấy, sản phẩm chế biến từ lâm sản, sản phẩm bao bì, gỗ, vải giả da, hòm hộp, khung cửa nhôm kính, kính trắng, kính màu;
- Kinh doanh thiết bị vật tư, máy móc, nguyên liệu, hoá chất thông thường.

Trong năm tài chính 2009, không có hoạt động nào ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Trụ sở chính của Công ty : số 441A, đường Tôn Đức Thắng, An Dương, Thành phố Hải Phòng.

Đến 31/03/2011, tổng số cán bộ nhân viên công ty là 200 người, trong đó số Cán bộ, nhân viên quản lý là 10 người.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Nguyên tắc lập Báo cáo tài chính: Nguyên tắc giá gốc

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài Chính ban hành như sau:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài Chính ban hành thông tư số 89/2002/TT-BTC ngày 09/10/2002.

- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu(6) chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài Chính ban hành thông tư số 105/2003/TT-BTC ngày 14/11/2003.
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu(6) chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài Chính ban hành thông tư số 23/2005/TT-BTC ngày 30/03/2005.
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu(6) chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài Chính ban hành thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố sáu(4) chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài Chính ban hành thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc công ty đã lựa chọn các chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

2. Hàng tồn kho và dự phòng hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua trên hoá đơn và các chi phí liên quan phát sinh nhằm đưa hàng tồn kho vào vị trí sẵn sàng sử dụng, hay dựa trên ước tính của công ty.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý.

Dự phòng hàng tồn kho được lập cho số lỗ ước tính phát sinh khi giá gốc vượt quá giá trị có thể thực hiện được của hàng tồn kho tại ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng giảm số dư tài khoản dự phòng này được tính vào giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

3. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hoá, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xoá sổ và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả kinh doanh.

Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A - Tôn Đức Thắng - TP.Hải Phòng

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Các tài sản khác	03 - 05 năm

4. Chi phí phải trả:

Các khoản chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí thực tế đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo tài chính.

5. vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư ban đầu của công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên tham gia góp vốn khi thành lập công ty cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 số: 0203000213 ngày 17 tháng 8 năm 2007 vốn điều lệ của công ty là : 32.894.800.000 đồng, tăng thêm 20.000.000.000 đồng bằng hình thức phát hành thêm cổ phần theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007. Tuy nhiên cho đến ngày kết thúc báo cáo tài chính vốn điều lệ của công ty vẫn là :12.894.800.000 đồng.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

6. Doanh thu

Doanh thu xuất khẩu sản phẩm được ghi nhận khi công ty đã hoàn tất thủ tục xuất hàng cho các đối tác. Việc ghi nhận doanh thu được căn cứ vào hồ sơ xuất khẩu các lô hàng theo yêu cầu của khách hàng trên cơ sở hợp đồng đã được ký kết.

Doanh thu bán sản phẩm hàng hoá nội địa được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đã giao hàng, phát hành hoá đơn bán hàng và được khách hàng chấp nhận thanh toán, không phụ thuộc đã thu tiền hay chưa.

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chênh lệch tỷ giá (nếu có).

7. Chi phí hoạt động tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

9. Một số nội dung khác có liên quan

Khoản phải thu:

Các khoản phải thu trình bày trong báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nghĩa vụ thuế như sau:

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Hàng hoá và dịch vụ do công ty sản xuất và cung cấp chịu thuế giá trị gia tăng theo các mức thuế sau:

- Sản phẩm giấy do công ty sản xuất để xuất khẩu chịu mức thuế suất : 0%
- Các sản phẩm tiêu dùng nội địa chịu mức thuế suất từ 01/05/2009 giảm 50%= 5%

Các loại thuế khác: Theo quy định hiện hành của Việt Nam

Các khoản khác biệt về thuế sau khi cơ quan thuế kiểm tra và kết luận sẽ được công ty điều chỉnh sổ kế toán một cách tương ứng.